

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CTY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2018**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

Tên Công ty/Name of Company

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Năm báo cáo/Year 2018

### I. Thông tin chung/ General information

#### 1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No:

0102459018

- Vốn điều lệ/ Charter capital:

10.800.000.000 VNĐ (Mười tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:

- Địa chỉ đăng ký kinh doanh/ Registered business address:

Số 81 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

- Địa chỉ giao dịch/ Trading address:

Tầng 3 Nhà B, 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam.

- Số điện thoại/ Telephone: 024. 3512 1610

- Số fax/ Fax: 024. 3512 1611

- Website: www.vla.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any): VLA

#### Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập theo Quyết định số 1338/QĐ-TCNS ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty thành lập dưới hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 0103020568 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2010.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2016.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0102459018 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30/08/2018.

- Từ khi thành lập năm 2007, đến nay CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã thực hiện tăng vốn điều lệ một lần như sau: Ngày 30/11/2009 Công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 10.800.000.000 đồng.
- Ngày 19/07/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận số 64/GCN-SGDHN chấp thuận cổ phiếu của CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 04/08/2011, CTCP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang giao dịch phiên đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VLA.

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/*Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

STT	Ngành nghề kinh doanh
1.	Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
2.	Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên Internet;
3.	Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, thiết bị văn phòng, đại lý cung cấp phần mềm;

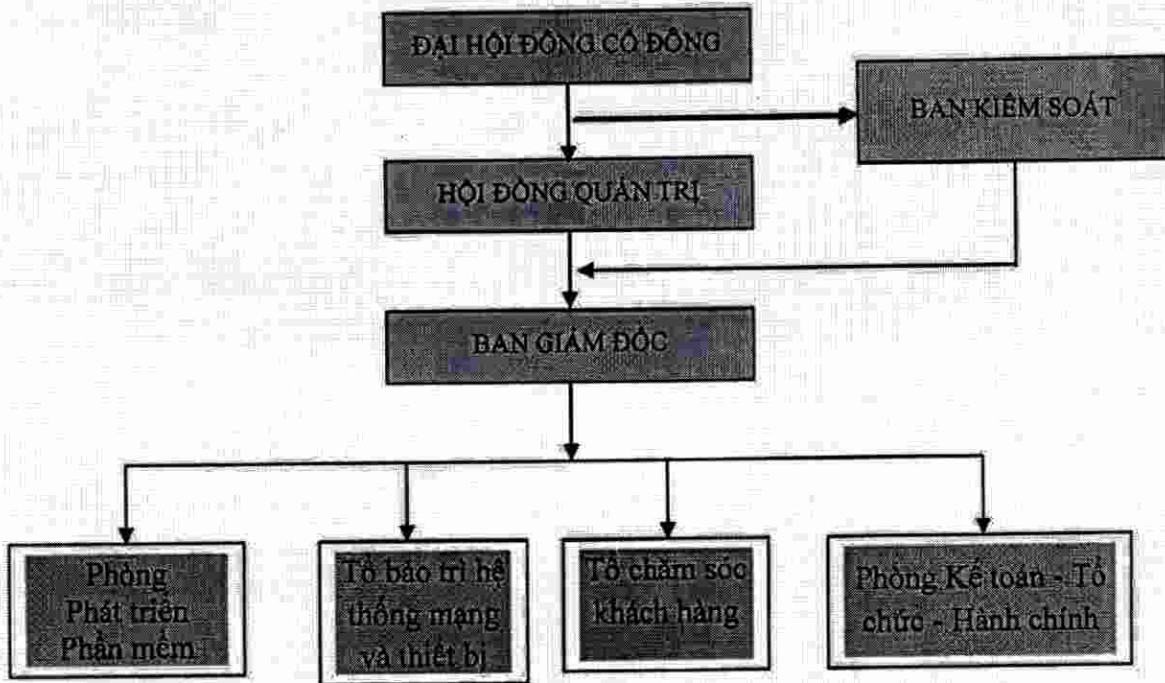
- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính là Hà Nội và trong phạm vi toàn quốc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model.*

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY CÔNG TY**



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*

o Hội đồng quản trị (HDQT):

TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Thành Anh	Chủ tịch HDQT
2	Ông Vũ Trung Chính	Phó Chủ tịch HDQT
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HDQT, Giám đốc
4	Ông Đặng Việt Mạnh	Thành viên HDQT, Phó GD
5	Ông Lê Hoài Thanh	Thành viên HDQT

Số thành viên của HDQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của ĐHCĐ. HDQT có nhiệm vụ:

- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Quyết định mức lương và các lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng nếu có bằng chứng chứng minh họ không đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ được giao phó hoặc họ có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty hoặc Hội đồng quản trị cho rằng việc miễn nhiệm hoặc cách chức là cần thiết và vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

- Đề xuất mức cổ tức hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất tới Đại hội đồng cổ đông về việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

o Ban kiểm soát (BKS):

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Trần Công Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. BKS bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)* không có.

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company..*

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. Các rủi ro/ Risks: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).

**II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations**

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nếu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện	So sánh cùng kỳ %
1	Doanh thu	Triệu đ	11.000	13.842	128,55
2	Lợi nhuận trước thuế	"	1.200	1.204	59,00
3	Thuế	"	100	106	50,00
4	Lợi nhuận sau thuế	"	1.100	1.098	60,04
5	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%		7,09	
6	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	%	11	11,15	
7	Đơn giá tiền lương thực hiện	đ/1000đ LN			
8	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đ/người		9,00	100,00

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers).

- o Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1.	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT, Giám đốc Cty
2.	Đặng Viết Mạnh	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Cty
3.	Hoàng Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng

Ban Giám đốc gồm Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty.
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year): QĐ của HĐQT bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Cty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 là 17 người, các chính sách về lương, thưởng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ tuân thủ theo quy chế tài chính của Công ty và phù hợp với quy định của nhà nước. Cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

o Cơ cấu lao động phân theo trình độ

	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Số người
1	Trình độ đại học và trên đại học	13
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp	4
3	Công nhân kỹ thuật	0
4	Lao động phổ thông	0
<b>Tổng số</b>		<b>17</b>

o Cơ cấu lao động phân theo Hợp đồng Lao động

STT	Hợp đồng lao động	Số người
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	5
2	Hợp đồng có thời hạn	10
3	Hợp đồng thời vụ	2
<b>Tổng số</b>		<b>17</b>

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện cho CBCNV có thu nhập ổn định. Năm 2018, mức thu nhập bình quân đầu người toàn Công ty là 9.000.000 đồng /người/tháng.

Toàn thể CBCNV của Công ty ký hợp đồng lao động chính thức được tham gia các chế độ BHXH, BHTN, BHYT theo quy định của Nhà nước. Do đặc thù ngành nghề, Công ty luôn chú trọng tới công tác bảo hộ lao động, phúc lợi xã hội, môi trường làm việc phải đảm bảo an toàn, vệ sinh. Hàng năm, Công ty tổ chức cho các CBCNV có thành tích tốt trong công tác đi tham quan, học tập.

Việc khám sức khỏe định kỳ cho người lao động trong Công ty cũng được duy trì đều đặn. Công ty tổ chức đào tạo và tự đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động. Ngoài ra, tổ chức Công đoàn luôn quan tâm, tặng quà cho CBCNV trong các ngày lễ 8/3, 20/10, 22/12, 2/9, ngày Tết, tổ chức vui chơi cho con em CBCNV nhân dịp 1/6, lễ Trung thu...

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation**

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets* không có.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)* không có.

**4. Tình hình tài chính/ Financial situation**

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*



Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	17.742.567.012	18.434.472.094	104
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	8.737.297.000	12.886.809.636	147,5
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	2.040.805.784	1.204.601.907	59
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	755.000		
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	2.041.560.784	1.204.601.907	59
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	1.829.295.515	1.098.226.131	60

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*) không.

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> )	11,01	12,62	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> :			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	10,25	21,43	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	0,1	0,08	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	0,11	0,09
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ( <i>Net revenue/ Total Assets</i> )	0,49	0,7
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i> )	0,21	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/ total capital Ratio</i> )	0,11	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/ Total assets Ratio</i> )	0,1	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i> )	0,23	0,09
.....		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành - Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (07/11/2007), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là

cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, (từ ngày 07/11/2011 trở đi), các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Địa chỉ trụ sở chính)	Số cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam Đại diện: ông Nguyễn Thanh Tùng	Số 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	108.000	1.080.000.000	10%
2	Nguyễn Thanh Tùng	B15 ngõ 191/46 Lạc Long Quân - Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội	12.000	120.000.000	1,1 %
3	Lê Thành Anh	Phòng 1506, nhà A1 khu Mỹ Đình 1, Mỹ Đình - Nam Từ Liêm - Hà Nội.	12.000	120.000.000	1,1 %
4	Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Thiên Hóa Đại diện: ông Nguyễn Thanh Tùng	Số 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	206.400	2.064.000.000	19,1 %
5	97 cổ đông (bao gồm cả cổ đông mua cổ phần chào bán và mua cổ phần phát hành thêm)		741.600	7.416.000.000	68,7 %
<b>Tổng</b>			<b>1.080.000</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>100</b>

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties* không có.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance* không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Không có báo cáo về nguyên vật liệu do đặc thù công ty là viết phần mềm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Không có báo cáo về nguyên vật liệu tái chế do đặc thù công ty là viết phần mềm.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Các chỉ số về năng lượng trong hoạt động sản xuất

Tổng năng lượng được sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2018	
Điện (kwh)	19.000	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Không có báo cáo về sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

Báo cáo tổng khối lượng nước

Tổng lượng nước tiêu thụ	Năm 2018	
Nước máy (m <sup>3</sup> )	72	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Không có báo cáo về tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Không có báo cáo về số lần bị xử phạt.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không có báo cáo về tổng số tiền do bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Đối với công tác quản lý y tế, hàng năm công ty thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho tất cả cán bộ nhân viên (CBNV) chính thức. CBNV được nhận về hồ sơ dán kín về kết quả khám. Trên cơ sở đó, CBNV biết được kết luận của bác sỹ và thực hiện những điều cần giải quyết cho bản thân.

Hàng năm, công ty thực hiện những ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ phép trong năm được thực hiện theo Quy định của Bộ luật lao động. Các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm viếng hiếu, hi, tham quan, nghỉ mát cho CBNV và thực hiện chi các khoản khen thưởng, phúc lợi cho người lao động căn cứ vào quy chế nội bộ và hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng lực và hiệu quả lao động của CBNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cán bộ nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Có chương trình cử CBNV tham gia các khóa học chuyên ngành công nghệ thông tin về lập trình phần mềm, quản trị mạng, quản trị hệ thống theo chuẩn của hãng công nghệ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

TT	Nội dung	Số lượng	Tiền mặt	Hiện vật
1	Ứng hộ giáo viên, học sinh tại Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai bị lũ lụt		5.000.000	
2	Ứng hộ BTV có hoàn cảnh khó khăn		5.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>			10.000.000	

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Không có báo cáo về hoạt động thị trường vốn xanh.

*Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*** (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/*the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

Đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. *Tình hình tài chính/ Financial Situation*

a) *Tình hình tài sản/ Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts không có biến động lớn về các khoản nợ.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results không có.*

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

Theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved) không có.*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

c. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ Review concerning corporate responsibility towards the local community*

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)***

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

- HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, Nghị quyết và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ.

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance**

Trong năm qua, các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kiểm soát Công ty để trực tiếp trao đổi, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động của Công ty.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors**

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã hoàn thành nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển và những chỉ tiêu kinh doanh do Đại hội cổ đông giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).**

**1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	Lê Thành Anh	Chủ tịch HĐQT	12 000	1,1	
2.	Vũ Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	5 000	0,46	
3.	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT, Giám đốc	0	0	
4.	Lê Hoài Thanh	Thành viên HĐQT	0	0	
5.	Đặng Viết Mạnh	Thành viên HĐQT	0	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee) không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	27/2018/NQHĐ QT-VLA	23/03/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua nội dung công việc để chuẩn bị cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.</li> <li>2. Quyết định thành lập ban tổ chức Đại hội cổ đông:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông Lê Thành Anh, Trưởng ban tổ chức</li> <li>- Ông Nguyễn Thanh Tùng, Phó ban thường trực</li> <li>- Các thành viên khác trong ban tổ chức</li> <li>- Thông báo mời họp, chương trình họp và các tài liệu có liên quan khác đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên</li> </ul> </li> </ol>
2	30/2018/NQHĐ QT-VLA	02/04/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua các văn bản, giấy tờ, nội dung công việc có liên quan đến việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông là 8h30 ngày 27/04/2018.</li> <li>2. Địa điểm họp: tại trụ sở công ty. Phòng 1502, số 57 Láng Hạ, Q. Ba Đình, Hà Nội.</li> <li>3. Thông qua: Thông báo mời họp; chương trình họp Đại hội và các văn bản, giấy tờ có liên quan.</li> </ol>
3	35/2018/NQHĐ QT-VLA	26/04/2018	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua Biên bản đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023</li> <li>2. Thông qua nội dung chương trình họp ĐHCĐ năm 2018 vào ngày 27/04/2018.</li> </ol>
4	38/2018/NQHĐ QT-VLA	27/04/2018	<p>Thông qua kết quả bầu các chức danh Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018-2023:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ông Lê Thành Anh - Chủ tịch HĐQT.</li> <li>2. Ông Vũ Trung Chính - Phó chủ tịch HĐQT.</li> </ol>
5	40/2018/NQHĐ QT-VLA	22/05/2018	<p>Tiếp tục đảm nhiệm chức vụ quản lý tại Công ty đối với các Ông, Bà có tên sau cho đến khi có quyết định khác thay thế:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ông Nguyễn Thanh Tùng – Giám đốc Công ty.</li> <li>2. Bà Hoàng Thị Xuân Hòa - Kế toán trưởng Công ty</li> </ol>
6	43/2018/NQHĐ QT-VLA	11/06/2018	<p>Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thanh Tùng, giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang. Thời gian giữ chức vụ là 5 năm.</p> <p>Bổ nhiệm Bà Hoàng Thị Xuân Hòa, giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ</p>

			Văn Lang. Thời gian giữ chức vụ là 5 năm
7	55/2018 /NQHD QT- VLA	06/07/2018	Bổ nhiệm Ông Đặng Viết Mạnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang. Thời gian giữ chức vụ 05 năm.
8	56/2018 /NQHD QT- VLA	06/07/2018	Thông qua đề xuất của Ban điều hành Công ty về đơn giá tiền lương tạm tính năm 2018 là 2.300 đồng/ 1.000 đồng lợi nhuận trước thuế, trên cơ sở đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận, cố tức như kế hoạch được giao năm 2018.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*) không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year* không có.

## 2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban	0	0	
2	Trần Công Thanh	Thành viên	500	0,05	
3	Phạm Tuấn Anh	Thành viên	1.000	0,09	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ áp dụng thống nhất trong toàn Công ty nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm qua, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành trong năm của HĐQT và Ban Giám đốc. Ban Kiểm

soát không cần đưa ra quyết định nào về việc điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).*

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trích từ quỹ khen thưởng ban điều hành 7% lợi nhuận sau thuế: 76.875.829 đ

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).*

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1.	ANDREAS KARALL	Cổ đông lớn	0	0	Andreas Karall đã bán 71.600 CP, không còn là cổ đông lớn từ 18/10/2018

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders:* (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights không có.*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

Thời gian qua, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông, hỗ trợ tốt Ban Giám đốc trong quá trình hoạt động của công ty và kết quả kinh doanh của VLA luôn luôn có những đóng góp nhất định của HĐQT. Chính nhờ có sự sát sao và phối hợp nhịp nhàng trong công tác quản trị và điều hành mà thêm một lần nữa VLA đã khẳng định sự phát triển không ngừng của mình.

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

“ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided*).

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán được đăng tải đầy đủ tại địa chỉ: [www.vla.vn](http://www.vla.vn) > mục “Quan hệ cổ đông” > “Dành cho cổ đông” > “Báo cáo tài chính năm 2018”.

### XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE*

Ngày ... tháng ... năm 2019



Nguyễn Thanh Tùng